



qié zi
茄子

noun · eggplant (Solanum melongena L.)

Example Sentence

wǒ xǐ huan chī hóng shāo qié zi
我 喜 欢 吃 红 烧 茄 子。

I like to eat braised eggplant.

Trace each character, then write the word on your own.

茄	茄	茄	茄	茄	茄	茄	茄	茄	茄	茄
子	子	子	子	子	子					